TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2024
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiÊ tòa: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiÊ tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *NguyÊ đơn:* Bà Tô Xiếu Ê; Sinh năm: 1949 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 136 đường BL, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Dư Hồng K; Sinh năm: 1949 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 63 đường NVK, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Xiếu Ê trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Tô Xiếu Ê và ông Dư Hồng K chung sống với nhau từ năm 1972 không có đăng ký kết hôn nhưng có làm đám cưới. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông K có lối sống gia trưởng, ông K không quan tâm chăm sóc bà Ê, vợ chồng không thống nhất với nhau trong nuôi dạy con cháu, ông K và bà Ê đã ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay không còn tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Nay bà Ê yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 4 con chung tÊ Dư Việt T, sinh năm 1973, Dư Vũ L, sinh năm 1978, Dư Hoài B, sinh năm 1981, Dư Tú L, sinh năm 1984. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có nợ ai, không ai nợ lại.

Tại biÊ bản hòa giải ngày 21/12/2023, bị đơn ông Dư Hồng K trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1972 bà Ê và ông K có sống chung và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương tuy nhiÊ ông K và bà Ê đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Vợ chồng ly thân khoảng 3 năm nay, từ tháng 10/2023 đến nay bà Ê bỏ ra ngoài sống với con gái Út, không còn sống chung với ông. Trong quá tình chung sống ông có la rầy khi con cháu phạm lỗi tuy nhiÊ bà Ê không đồng ý nÊ không thống nhất trong vấn đề dạy bảo con cháu, ông không có đuổi bà Ê. Nay bà Ê yêu cầu ly hôn thì ông K không đồng ý, ông yêu cầu được hàn gắn vì còn tình cảm vợ chồng với bà Ê.

- Về con chung: Có 04 người con chung tÊ Dư Việt T, sinh năm 1973; Dư Vũ L, sinh năm 1978; Dư Hoài B, sinh năm 1981; Dư Tú L, sinh năm 1984. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại.

Tại phiÊ tòa, nguyÊ đơn giữ nguyÊ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Dư Hồng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Giữa bà Tô Xiếu Ê và ông Dư Hồng K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1972, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Bà Ê và ông K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1972 nÊ hôn nhân giữa bà Ê và ông K là hôn nhân thực tế và hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, theo bà Ê nguyÊ nhân mâu thuẫn là do ông K có lối sống gia trưởng, không quan tâm chăm sóc bà Ê. Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà Ê, ông K hàn gắn lại với nhau, mặc dù ông K yêu cầu được đoàn tụ nhưng tại phiÊ hòa giải và tại phiÊ tòa bà Ê cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều đó cho thấy cuộc sống gia đình giữa bà Ê và ông K không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ê và ông K không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ê được ly hôn với ông K.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống có 04 người con chung tÊ Dư Việt Triều, sinh năm 1973; Dư Vũ Linh, sinh năm 1978; Dư Hoài Bảo, sinh năm 1981; Dư Tú Linh, sinh năm 1984. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

[4] *Tài sản chung*: Bà Ê và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà Ê và ông K không nợ ai và không ai nợ lại.

[6] *Về án phí*: NguyÊ đơn phải chịu án phí nhưng do bà Ê là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nÊ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trÊ;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

TuyÊ xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Xiếu Ê về việc xin ly hôn ông Dư Hồng K.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tô Xiếu Ê được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

NguyÊ đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyÊ án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm